

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2021

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung;

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 09/2021/TB-TA ngày 05/8/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990.

ĐKHKT: Tổ 8 khu Qu, phường Đ, thành phố Ph, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã Th, thành phố Hng, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 15, ngách 2, số 67, đường CP, làng CP, quận VP, thành phố Đài Trung, Đài Loan.

Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Tiến D**, sinh năm 1989.

ĐKHKT: Tổ 8 khu Qu, phường Đ, thành phố Ph, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã Th, thành phố Hng, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn X, xã Th, thành phố Hng, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền về việc giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án của chị H: Bà **Phạm Thị D1**, sinh năm 1961. Địa chỉ: Thôn HX, xã Th, thành phố Hng, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đã được chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Hoàng Tiến D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Ph, tỉnh Quảng Ninh ngày 08/02/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh D chơi bời, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Năm 2014, vợ chồng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan với mong muốn anh D từ bỏ cờ bạc, tu chí làm ăn nhưng anh vẫn ngựa quen đường cũ, chị khuyên bảo nhiều lần anh không nghe. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, nhiều lần anh đánh đập chị và bỏ ra ngoài sống. Qua mạng xã hội chị được biết anh đang chung sống với một người phụ nữ khác, chị gọi điện thì anh chửi bới, xúc phạm chị, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thị H2, sinh ngày 27/12/2007 và Hoàng Thị Trà M, sinh ngày 16/10/2012. Cháu M chết ngày 02/12/2016 nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con Hoàng Thị H2 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị đang lao động ở Đài Loan không về Việt Nam để giải quyết ly hôn được nên chị đề nghị được giải quyết vắng mặt. Trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho mẹ đẻ là Bùi Thị D1 nuôi dưỡng con chung và chị có trách nhiệm gửi tiền về để bà D1 nuôi con, đồng thời ủy quyền cho bà D1 giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Bà D1 nhất trí nhận sự ủy quyền chăm sóc cháu H2 của chị H và giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án.

Bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ đẻ anh D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh D thỉnh thoảng liên lạc điện thoại về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh D biết. Thông qua gia đình, anh D trình bày quan điểm và xác định chị H không chung thủy với anh, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và không thể hòa hợp được, hiện tại vợ chồng mỗi người ở một nơi, còn việc ly hôn là do chị H quyết định, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh có quan điểm nếu chị

H về nước trực tiếp nuôi con thì anh nhất trí, nếu chị H chưa về nước thì anh đề nghị để Bà H1 thay anh nuôi dưỡng cháu H2 trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh có trách nhiệm gửi tiền về cho Bà H1 nuôi con và anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con. Bà H1 có quan điểm nhất trí thay anh chăm sóc cháu H2 và cũng không yêu cầu anh và chị H cấp dưỡng.

Con chung của chị H, anh D là cháu Hoàng Thị H2 có nguyện vọng được ở với chị H.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh D sinh sống và cư trú thể hiện: Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn Xuân Dương, xã Th, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D chơi bời, cờ bạc, đánh đập, xúc phạm chị H, sau đó vợ chồng cùng sang Đài Loan làm ăn sinh sống nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại cháu Hoàng Thị H2 đang do bà Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng tuy nhiên Bà H1 rất hà khắc đối với cháu và ngăn cấm không cho cháu về chơi với ông bà ngoại. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết sao cho đảm bảo quyền lợi của cháu H2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Hoàng Tiến D. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị H2 cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị H đang ở nước ngoài giao cháu H2 cho bà Phạm Thị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị H về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Tiến D có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở thôn Xuân Dương, xã Th, thành phố Hng, tỉnh Hải Dương, hiện chị H và anh D đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Mặc dù chị H không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã được chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc. Do vậy khẳng định đúng

ý chí, nguyện vọng xin ly hôn của chị H. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh D ở Đài Loan. Tòa án đã yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh D và gia đình đã thông báo cho anh D biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh D. Đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai anh D vắng mặt không có lý do, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Phạm Thị D1 và bà Nguyễn Thị H1 đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã Ph, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 08/02/2010 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D chơi bời, cờ bạc, đánh đập, xúc phạm chị H bên cạnh đó vợ chồng còn nghi ngờ tình cảm của nhau. Gia đình hai bên cũng tìm cách khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị H xin ly hôn, anh D có quan điểm việc ly hôn là do chị H quyết định, chứng tỏ anh D không còn tình cảm với chị H và cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, hơn nữa vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Tiến D có con là Hoàng Thị H2, sinh ngày 27/12/2007. Chị đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng con Hoàng Thị H2 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thông qua gia đình anh D không nhất trí giao con cho chị H khi chị H không trực tiếp nuôi con và anh đề nghị giao con cho bà Nguyễn Thị H1 là mẹ anh thay anh chăm sóc con chung. Tuy nhiên, cháu Hoàng Thị H2 là con gái, cháu đang ở lứa tuổi dậy thì cần phải có sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ, hơn nữa cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy không có mặt tại Việt Nam nhưng hằng ngày chị đều liên lạc quan tâm, hỏi han cháu và chị đã ủy quyền cho mẹ đẻ là bà D1 thay chị chăm sóc con chung trong thời gian chị không có mặt tại Việt Nam. Bà H1 là bà nội nhưng lại rất hà khắc với cháu, không quan tâm gần gũi chia sẻ tâm tư nguyện vọng của cháu và cấm đoán cháu không cho về chơi với ông bà ngoại. Xét nguyện vọng của chị H là chính đáng do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Hoàng Thị H2 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu H2 cho bà D1 chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Hoàng Tiến D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Hoàng Thị H2, sinh ngày 27/12/2007 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị H tạm thời không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu H2 cho bà Phạm Thị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005984 ngày 12/5/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Tiến D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị D1 và bà Nguyễn Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Th, thành phố Hng, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường